

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10/5/2021

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 390/2020/HNGĐ-ST ngày 14/12/2020 về “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968;*

Địa chỉ: Số nhà 2, tổ 14, phường N, thành phố T, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1969;*

Địa chỉ: Số nhà 2, tổ 14, phường N, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - bà Lê Thị Thơm trình bày:

Bà và ông Phạm Văn C là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống tại thành phố Tuyền Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình thay đổi không hợp nhau, thường xuyên cãi vã làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Gần đây ông C có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả, vợ chồng không

còn tiếng nói chung. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1996 và Phạm Tú L, sinh ngày 26/11/2002. Hiện các con chung của ông bà đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông bà không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn C trình bày: Ông và bà Lê Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống tại phường N, thành phố Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng nhìn chung không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu là do ông thường xuyên đi làm xa, vợ chồng ghen tuông nhau, bà T muốn đi lấy chồng khác nên đã làm đơn ly hôn ông. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T ông không đồng ý vì hiện tại vợ chồng ông bà đã xây dựng nhà cửa ổn định, con cái thì đã trưởng thành, hiện một con đã xây dựng gia đình còn một con đang đi học đại học nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông có 02 con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1996 và Phạm Tú L, sinh ngày 26/11/2002. Hiện các con chung của ông và bà T đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà T có một số tài sản chung nhưng vì ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông và bà T hiện không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn C không có mặt tại Tòa án theo các giấy báo và thông báo của Tòa án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa bà Lê Thị T và ông Phạm Văn C.

** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn C là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 14, phường N, thành phố T. Thời gian gần đây anh C thường đi làm xa, dịp cưới con và Tết nguyên đán có thấy anh C về vài hôm lại đi. Do anh C không báo tạm vắng nên chính quyền không nắm được anh C đi đâu làm gì. Thời gian trước Tết nguyên đán 2021, tổ dân phố có nắm được thông tin chị T làm đơn xin ly hôn anh C, đại diện tổ dân phố đã đến gặp anh chị khuyên giải nhưng chị T cho rằng tình cảm vợ chồng đã phai nhạt nên kiên quyết ly hôn còn anh C thì bảo để cho chị T đi lấy chồng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung yêu cầu xin ly hôn ông Phạm Văn C, không yêu cầu giải quyết về con chung. Ngoài ra bà T không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, xử cho bà T được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn C có 02 con chung, tên là Phạm Thị T, sinh năm 1996 và Phạm Tú L, sinh ngày 26/11/2002. Hiện con chung của ông bà đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Văn Cg. Bà T và ông C là vợ chồng có đăng lý kết hôn UBND xã Nông Tiến (nay là phường Nông Tiến), thành phố Tuyên Quang. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 14/12/2020, Tòa án thụ lý vụ án và tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Văn C. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông C theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã ra thông báo mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và gửi qua đường bưu điện cho bị đơn cũng như niêm yết công khai tại địa phương nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều

227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

* Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn C tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/1995 tại UBND xã Nông Tiến (nay là phường Nông Tiến), thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng nhau, hai người đều cho rằng người kia có quan hệ với người khác dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng hay xô sát cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình và tổ dân phố khuyên giải nhưng không thành. Bà T xin ly hôn nhưng ông C không đồng ý, vì con cái đã trưởng thành. Tuy nhiên ông C lại không có thiện chí hay động thái để chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng; không có mặt tại các buổi hoà giải do Toà án tiến hành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông C đã thực sự trầm trọng, đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn C.

* Về con chung: Bà T và ông C đều xác định có 02 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 12/05/1996 và Phạm Tú L, sinh ngày 26/11/2002. Hiện các con chung của ông bà đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung: Bà T, ông C không ai đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

* Về vay nợ: Bà T và ông C đều xác định không có nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 28; 35, 39; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Hảo và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Phạm Văn C.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0000778 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Văn C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn Ch có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Nông Tiến, TPTQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Thu Thủy

